| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KV 3 – CT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập –Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 190/2026/DSST.
Ngày: 07/04/2026.
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN KV 3 - CT

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim X**.

Các hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Tuyết M**.

Ông **Nguyễn Văn S**.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà **Trương Hoàng Minh P** – Thư ký Tòa án nhân dân KV 3 - CT.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV 3 - CT tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thanh T** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 04 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân KV 3 – CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2026/TLST - DS, ngày 02 tháng 03 năm 2026 về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 375/2026/QĐST - DS, ngày 18 tháng 03 năm 2026, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn***:

1. Ông **Lê Văn T**, sinh năm: 1952.

CCCD: 092052000386.

2. Bà **Phan Thị T**, sinh năm: 1962.

CCCD: 092162008941.

Cùng địa chỉ: Ấp Nhơn T 2, xã N A, thành phố CT.

* ***Bị đơn***: Bà **Đoàn Thị G** (P), sinh năm: 1975.

CCCD: 092175011694.

Địa chỉ: Số 210, ấp Nhơn T 1, xã N A, thành phố CT.

## NHẬN THẤY

** Theo đơn khởi kiện ngày 27/01/2026 và bản tự khai ngày 18/03/2026 nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày*: Giữa nguyên đơn với bị đơn có ký giấy mượn tiền để cho bị đơn vay số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay 04 tháng. Quá trình vay thì bị đơn có trả lãi được 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) nhưng chưa trả nợ gốc cho nguyên đơn. Do đó, vào ngày 23/9/2025 bị đơn có ký giấy mượn tiền để xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng cộng gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và từ đó đến nay bị đơn không trả bất kỳ khoản tiền nào cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 27/01/2026 là 213.916.700 đồng (Hai trăm mười ba triệu, chín trăm mười sáu nghìn, bảy trăm đồng), trong đó: Nợ gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), tiền lãi là 13.916.700 đồng (Mười ba triệu, chín trăm mười sáu nghìn, bảy trăm đồng). Tiền lãi chậm trả được tính tiếp từ ngày 28/01/2026 đến khi bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

** Nguyên đơn bà Phan Thị T thống nhất với lời trình bày của ông T và không trình bày gì thêm.*

** Tại bản tự khai ngày 18 tháng 03 năm 2026 bị đơn bà Đoàn Thị G trình bày:* Bị đơn có vay của nguyên đơn tổng số tiền là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng), việc tính lãi như sau: Số tiền vay 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) là đóng lãi hàng tháng 15.700.000 đồng (Mười lăm triệu, bảy trăm nghìn đồng) nhưng đóng được bao nhiêu tháng thì không nhớ rõ, đối với số tiền vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) thì đóng lãi ngày 200.000.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), bà cũng không nhớ đóng lãi được bao nhiêu ngày với số tiền là bao nhiêu thì bà cũng không biết. Bà thừa nhận có ký giấy mượn tiền ngày 23/9/2025 với tổng số tiền vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) nhưng đây là số tiền được cộng nhiều khoản nợ vay và nợ lãi được cộng dồn vào mới thành nợ gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Đồng thời, quá trình vay tiền bị đơn có ký tổng cộng 03 giấy mượn tiền, giấy thứ nhất và thứ hai đều nợ số tiền là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), còn giấy mượn tiền ký lần cuối là vào ngày 23/09/2025 tổng số tiền gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) thì bao gồm 20.000.000 đồng tiền lãi cộng vào nợ gốc 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) nên mới ký giấy mượn tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Từ khi ký giấy mượn tiền ngày 23/09/2025 đến nay bị đơn chưa trả bất kỳ khoản tiền nào cho nguyên đơn do hiện tại bị đơn đã không còn khả năng trả nợ cho nguyên đơn nên bị đơn yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau nên vụ án được đưa ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật.

**Tại phiên tòa**:

* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tổng số nợ gốc tính đến ngày 07/04/2026 là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Tiền lãi được tính tiếp từ ngày 08/04/2026 đến khi bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn.

* Bị đơn bà Đoàn Thị G thống nhất với tổng số nợ gốc tính đến ngày 07/04/2026 là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Tiền lãi được tính tiếp từ ngày 08/04/2026 đến khi bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn.

* Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc thụ lý vụ án của tòa án là đúng thẩm quyền, về tư cách tham gia tố tụng, việc hòa giải, việc xét xử vắng mặt đương sự và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng trình tự luật định. Về nội dung vụ án thì nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

## XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra lại tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục tố tụng*: Sau khi tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, do hòa giải không thành nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Văn T và bị đơn bà Đoàn Thị G có mặt. Tuy nhiên, nguyên đơn bà Phan Thị T vắng mặt nhưng đã trình bày ý kiến và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] *Xét về quan hệ pháp luật*: Căn cứ theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét thì đây là quan hệ pháp luật về "*Tranh chấp hợp đồng tài sản*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân KV 3 - CT theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số nợ gốc và lãi tính từ ngày 23/9/2025 đến ngày 27/01/2026 là 213.916.700 đồng (Hai trăm mười ba triệu, chín trăm mười sáu nghìn, bảy trăm đồng). Tiền lãi được tính tiếp từ ngày 28/01/2026 đến khi bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số nợ gốc và lãi tính từ ngày 23/9/2025 đến ngày 07/04/2026 là 21.205.479 đồng (Hai mươi mốt triệu, hai trăm lẻ năm nghìn, bốn trăm lẻ chín đồng), trong đó: Nợ gốc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi là 21.205.479 đồng (Hai mươi mốt triệu, hai trăm lẻ năm nghìn, bốn trăm bảy mươi chín đồng). Tuy nhiên, nguyên đơn thừa nhận từ khi vay đến nay bị đơn có đóng lãi với số tiền là 20.000.000 đồng nên nguyên đơn chấp nhận khấu trừ số tiền lãi bị đơn đã đóng là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) nên bị đơn còn nợ lại tiền lãi là 1.205.479 đồng (Một triệu, hai trăm lẻ năm, bốn trăm bảy mươi chín đồng) nhưng tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), còn số tiền lãi bị đơn còn nợ là 1.205.479 đồng (Một triệu, hai trăm lẻ năm, bốn trăm bảy mươi chín đồng) thì nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 08/04/2026 với mức lãi suất là 20%/năm đến khi bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn.

[4] *Xét yêu cầu của bị đơn:* Tại bản tự khai ngày 18/03/2026 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn và có ký giấy mượn tiền ngày 23/09/2025 với tổng số nợ gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) nhưng do bị đơn cho rằng số nợ gốc này là bao gồm tiền lãi bị đơn đã đóng cho nguyên đơn nhưng bị đơn không nhớ đã đóng lãi bao nhiêu tiền và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nên bị đơn yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị đơn cũng thống nhất với tổng số nợ gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo giấy mượn tiền ngày 23/09/2025 mà bị đơn đã ký kết với nguyên đơn. Do đó, bị đơn không yêu cầu xem xét lại phần gốc và lãi theo bản tự khai ngày 18/03/2026. Đồng thời, bị đơn cũng thống nhất tiền lãi sẽ tính tiếp từ ngày 08/04/2026 với mức lãi suất là 20%/năm đến khi bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn.

[5] Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự sau khi đối chiếu với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy:

Tại phiên tòa, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về tổng số nợ gốc theo giấy mượn tiền ngày 23/09/2025 là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và bị đơn cũng thống nhất với số nợ gốc này nên bị đơn không yêu cầu xem xét phần tiền lãi bị đơn đã đóng.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc khấu trừ 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền lãi bị đơn đã đóng và giảm phần tiền lãi còn lại cho bị đơn để tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ gốc của nguyên đơn.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về tiền lãi chậm trả sẽ tính tiếp từ ngày 08/04/2026 với mức lãi suất là 20%/năm đến khi bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thời hạn và phương thức trả nợ sẽ do Thời hạn và phương thức trả nợ sẽ do Phòng thi hành án dân sự KV 3 - CT điều chỉnh.

Từ các căn cứ nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Do nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch 5% trên tổng số tiền phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) nên bị đơn phải nộp 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm tại Phòng Thi hành án dân sự KV 3 - CT.

Nguyên đơn là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí, đồng thời nguyên đơn cũng có đơn yêu cầu được miễn tạm ứng án phí và án phí nên nguyên đơn không có nộp tạm ứng án phí.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

**Căn cứ vào:**

- Điều 26, 35, 39, 147, 266, 269, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 280, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về án phí, lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:**

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*.

2. *Về nợ*: Bị đơn bà Đoàn Thị G có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Lê Văn T và bà Phan Thị T tổng số nợ gốc tính đến ngày 07/04/2026 là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

3. Tiền lãi được tính tiếp từ ngày 08/04/2026 với mức lãi suất là 20%/năm đến khi bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 357 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Thời hạn và phương thức trả nợ sẽ do Phòng thi hành án dân sự KV 3 - CT điều chỉnh.

5. *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Bị đơn bà Đoàn Thị G phải nộp 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm tại Phòng Thi hành án dân sự KV 3 - CT.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí do thuộc trường hợp là người cao tuổi được miễn nên nguyên đơn không có nộp tạm ứng án phí và cũng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

* ***Nơi nhận***:
- TAND. TP. CT.
- VKSND cùng cấp.
- Thi hành án cùng cấp.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA

**Huỳnh Thị Kim Xuân**